TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2026/HS-ST
Ngày 14 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phan Tiến Dũng – Nguyên Hiệu trưởng trường tiểu học Nguyễn Thị Định
Ông Trần Đình Hải – Trưởng ban công tác mặt trận
- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Công Chức – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 93/2026/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2026/QĐST- HS ngày 02 tháng 4 năm 2026 và Quyết định Hoãn phiên toà số 17/2026/QĐST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2026, đối với các bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2009 tại Đồng Tháp; CCCD 0872090055232; Hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã T, tỉnh Đồng Tháp; nơi ở trước khi bị bắt: Ấp E, N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1986; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có bốn người con; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 04/11/2025 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Ngãi Giao cơ sở 1 - Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (có mặt).

Họ và tên: Nguyễn Văn D, tên gọi khác: Không, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2009, tại tỉnh An Giang; CCCD 089209010400, Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã A, tỉnh An Giang, nơi ở trước khi bị bắt: Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986 và bà Huỳnh Thị T2, sinh năm: 1990; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 người con; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 04/11/2025 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Ngãi Giao cơ sở 1 - Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (có mặt).

Họ và tên: Chau Chhách, tên gọi khác: Không, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2009, tại tỉnh An Giang; CCCD 089209005145, Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã Ô, tỉnh An Giang, nơi ở trước khi bị bắt: Ấp C, xã N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Khmer; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chau C1, sinh năm 1981 và bà N-K, sinh năm: 1990; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 người con; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 04/11/2025 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Ngãi Giao cơ sở 1 - Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (có mặt).

Họ và tên: Huỳnh Hoàn T3, tên gọi khác: Không, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2010, tại tỉnh Đồng Tháp; Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp, nơi ở trước khi bị bắt: Ấp P, xã N, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn P, sinh năm 1979 và bà Nguyễn An Bé S, sinh năm: 1984; bị cáo là con thứ tư trong gia đình có 06 người con; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 04/11/2025 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Ngãi Giao cơ sở 1 - Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

1. Bị hại:

1.1. Anh Nguyễn Trần Quang T4, sinh ngày 15/4/2009 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 758/16/24 X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện tại: tổ I khu phố S, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

1.2. Em Ngô Thị Ánh T5, sinh ngày 14/02/2010 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật của bị hại Ngô Thị Ánh T5: Bà Nguyễn Thị Kim D1, sinh năm: 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Người đại diện hợp pháp của các bị cáo:

2.1. Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1963 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1986 (ông C có mặt; bà G vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã N, tỉnh Đồng Nai

2.2. Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Văn D: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1986 và bà Huỳnh Thị T2, sinh năm: 1990 (ông T1, bà T2 có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Nai

2.3. Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Chau C2: Ông Chau C1, sinh năm: 1981 và bà N – K, sinh năm: 1990 (ông C1, bà K có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã N, tỉnh Đồng Nai

2.4. Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Huỳnh Hoàn T3: Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm: 1979 và bà Nguyễn An Bé S, sinh năm: 1984 (ông P, bà S vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã N, tỉnh Đồng Nai

2.5. Người giám hộ của bị cáo Huỳnh Hoàn T3: Bà Trương Thị Như Ý – Cán bộ phụ trách Đoàn thanh niên phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3. Người bào chữa cho các bị cáo:

3.1. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Huỳnh Hoàn T3: Ông Hoàng Đăng Vĩnh H, sinh năm: 1986 – Trung tâm pháp lý nhà nước số 3 Thành phố H

(ông H có mặt)

3.2. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D và bị cáo Chau C2: Ông Lê Viết T6, sinh năm: 1963 – Trung tâm pháp lý nhà nước số 3 Thành phố H (có đơn xin vắng mặt)

4. ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của em Ngô Thị Ánh T5***: Bà Hồ Thị H1, sinh năm: 1985 – Trung tâm P Thành phố Hồ Chí Minh (bà H1 có mặt)

5. Người làm công tác xã hội tham gia tố tụng:

5.1. Ông Lê Văn P1 – chuyên viên văn phòng HĐND và UBND xã N, tỉnh Đồng Nai – đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Huỳnh Hoàn T3 và Chau C2 (vắng mặt)

5.2. Người làm công tác Công tác xã hội tại xã L, tỉnh Đồng Nai – đối với bị cáo Nguyễn Văn D (vắng mặt)

5.3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Y – người làm công tác xã hội tại UBND phường T, Thành phố Hồ Chí Minh – đối với bị hại Nguyễn Trần Quang T4 (bà Y có đơn xin vắng mặt)

5.4. Ông Hoàng Văn T7 hoặc bà Phạm Thị N1 – người làm công tác xã hội tại UBND phường T, Thành phố Hồ Chí Minh – đối với bị hại bà Ngô Thị Ánh T5. (có mặt)

6. ***Người làm chứng***: Anh Đặng Hoàng Xuân T8, sinh năm: 2006 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn B, xã P, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, Huỳnh Hoàn T3, Nguyễn Văn D và Chau C2 có quan hệ bạn bè, đều nghỉ học sớm và hiện không có việc làm. Để có tiền tiêu xài, T nảy sinh ý định đi đến phường B, Thành phố Hồ Chí Minh tìm người đi đường để cướp điện thoại và rủ T3, D, C2 cùng tham gia thì được tất cả đồng ý. Khoảng 20 giờ ngày 01/11/2025, T3, D, C2 có mặt tại nhà trọ của T ở ấp E, xã N, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, D đưa ra một cái ná bắn đạn bi (ná có hình dạng giống súng làm bằng nhựa dài khoảng 40cm, sử dụng đạn bi sắt và dây kéo lên nòng bằng cao su) rồi cùng với T và C2 sửa lại làm hung khí để đi cướp tài sản. Vào tối ngày 01/11/2025, T, T3, D và C2 đã thực hiện 02 (hai) vụ cướp tài sản trên địa bàn phường L và phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 22 giờ cùng ngày, T cùng đồng bọn điều khiển xe chạy trên Quốc lộ E đến Vòng xoay Bà Rịa thuộc phường B, Thành phố Hồ Chí Minh thì quay đầu đi về hướng tỉnh Đồng Nai. Khi đi đến khu phố K, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, nhóm của T phát hiện anh Nguyễn Trần Quang T4 (sinh ngày 15/4/2009, đăng ký thường trú tại 758/16/24 X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) đang điều khiển xe mô tô biển số 78-AK-013.87, sau xe chở anh Đặng Hoàng Xuân T8 (sinh năm 2006, đăng ký thường trú tại Buôn B, xã P, tỉnh Gia Lai) đang di chuyển cùng chiều phía trước, trên tay anh T8 đang cầm 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 14 Plus của anh T4 nên T nói với cả nhóm cướp giật chiếc điện thoại này. Chhách điều khiển xe tăng ga và áp sáp bên trái xe của anh T4 còn D dùng tay giật điện thoại mà anh T8 đang cầm nhưng không được nên C2 tiếp tục điều khiển xe chạy vượt lên, chặn đầu buộc anh T4 phải dừng xe, D sử dụng ná bắn đạn bi chĩa vào người anh T8 và yêu cầu đưa điện thoại còn T chở T3 đứng phía trước cảnh giới. Do lo sợ nên anh T8 và anh T4 đã giao nộp điện thoại cho D. Sau khi lấy được điện thoại, D đưa cho T cất giữ rồi cả nhóm tiếp tục di chuyển về tỉnh Đồng Nai.

- Vụ thứ hai: Khi T cùng đồng bọn di chuyển đến phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thì cả nhóm rẽ trái vào Quốc lộ E để tìm tài sản. Khi đi đến khu phố P, phường T, T cùng đồng bọn phát hiện cháu Ngô Thị Ánh T5 (sinh ngày 14/02/2010, đăng ký thường trú tại khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) đang điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) di chuyển cùng chiều phía trước nên cả nhóm bám theo phía sau. Khi đi đến đoạn đường vắng của Quốc lộ E đoạn qua khu phố P, phường T thì C2 điều khiển xe chở sau D vượt lên chặn đầu xe của cháu T5 còn T và T3 chặn phía sau. D tiếp tục sử dụng ná bắn đạn bi sắt chĩa vào người cháu T5 và yêu cầu cháu T5 đưa điện thoại nhưng cháu T5 nói không có nên D trực tiếp lục tìm và lấy 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 Plus trong túi áo khoác của cháu T5. Sau khi lấy được điện thoại D tiếp tục đưa cho T cất giữ rồi cả nhóm quay đầu xe chạy ra Q hướng về tỉnh Đồng Nai. Trên đường đi, T thấy lực lượng công an nên bỏ chạy và bị té ngã nên 02 (hai) chiếc điện thoại vừa cướp được rơi xuống đường và bị bể vỡ màn hình.

Sau khi bị cướp tài sản, anh Nguyễn Trần Quang T4 và cháu Ngô Thị Ánh T5 đã đến Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo sự việc. Qua công tác rà soát các đối tượng nghi vấn, Cơ quan Công an đã đưa Nguyễn Văn T, Huỳnh Hoàn T3, Nguyễn Văn D và Chau C2 về làm việc. Tại cơ quan điều tra, T, T3, D và C2 khai nhận toàn bộ hành vi cướp tài sản như trên và giao nộp 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 14 Plus; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 Plus; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Wave S, biển số 89-AA- 068.36 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius (không gắn biển số)

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL ngày 30/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND phường T, kết luận: "*01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS 64GB SILVER, IMEI 359499084952259 MEID: 35949908495225, mua năm 2022 với giá 5.900.000 đồng (Năm triệu, chín trăm nghìn đồng) đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 01/11/2025, tài sản trị giá 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm ngàn đồng)*."

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 09/KL ngày 12/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND phường L, kết luận: "*01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 14 Plus, màu xanh (blue), dung lượng lưu trữ: 128GB, IMEI: 3509157708509944, MEID: 35091577085094 (điện thoại đã qua sử dụng, tỷ lệ chất lượng còn lại 90%), tại thời điểm định giá ngày 01/11/2025, tài sản trị giá 11.166.000 đồng (Mười một triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng)*."

Tại bản Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số: 5343/KLGĐĐT ngày 04/11/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành giám định đối với Huỳnh Hoàn T3, kết luận: "*Qua quá trình khám giám định, kết quả cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định Huỳnh Hoàn T3 có độ tuổi từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng.*"

Tại bản Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số: 5344/KLGĐĐT ngày 04/11/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành giám định đối với Chau C2, kết luận: "*Qua quá trình khám giám định, kết quả cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định Chau C2 có độ tuổi từ 16 năm 03 tháng đến 16 năm 09 tháng.*"

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:

- Đối với hung khí là ná bắn đạn bi sắt mà Nguyễn Văn T, Huỳnh Hoàn T3, Nguyễn Văn D và Chau C2 sử dụng để đi cướp tài sản, do trên đường đi D đã vứt bỏ và không nhớ vị trí nên không thu giữ được.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 14 Plus của anh Nguyễn Trần Quang T4; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 Plus của cháu Ngô Thị Ánh T5. Ngày 14/02/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh T4 và cháu T5 theo biên bản về việc trả lại tài sản đồ vật, tài liệu.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Wave S, biển số 89-AA- 068.36 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius (không gắn biển số), hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh bảo quản, chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện theo pháp luật của các bị cáo là bà Nguyễn Thị G là mẹ của bị cáo Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị T2 là mẹ của bị cáo Nguyễn Văn D và ông Chau C1 là cha của bị cáo Chau C2 đã bồi thường cho anh Nguyễn Trần Quang T4 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 14 Plus trị giá 14.400.000 đồng, bồi thường cho cháu Ngô Thị Ánh T5 số tiền 3.000.000 đồng. Các bị hại và đại diện theo pháp luật của bị hại đã nhận bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bản cáo trạng số 148/CT-VKSKV12 ngày 20/3/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Huỳnh Hoàn T3 và Chau C2 về tội "Cướp tài sản" quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Huỳnh Hoàn T3 và Chau C2 về tội "Cướp tài sản" quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025).

Về hình phạt:

Căn cứ điểm d, điểm e khoản 2 Điều 168, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự, Điều 12, Điều 115, khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên phạm tội

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 4 năm đến 5 năm tù

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D, Chau C2 mức án từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm 6 tháng tù.

Căn cứ vào điểm d, điểm e khoản 2 Điều 168, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự, Điều 12, Điều 115, khoản 3 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên phạm tội

Xử phạt bị cáo Huỳnh Hoàn T3 mức án từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm 6 tháng tù

Về xử lý vật chứng:

Giao lại cho cơ quan cảnh sát điều tra hai chiếc xe máy để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định của pháp luật

Trợ giúp viên pháp lý ông Hoàng Đăng Vĩnh H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Huỳnh Hoàn T3 trình bày:

Thống nhất về tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo T và bị cáo T3. Bị cáo T và bị cáo T3 phạm tội khi còn ở độ tuổi chưa thành niên, các bị cáo phạm tội lần đầu. Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cha mẹ các bị cáo tự nguyện bồi thường cho các bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, hoàn cảnh gia đình các bị cáo rất khó khăn, các bị cáo phạm tội khi chưa thành niên nên nhận thức còn hạn chế.

Về hình phạt:

Căn cứ điểm d, điểm e khoản 2 Điều 168, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự, Điều 12, Điều 115, khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù

Căn cứ điểm d, điểm e khoản 2 Điều 168, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự, Điều 12, Điều 115, khoản 3 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Huỳnh Hoàn T3 mức án từ mức án từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù

Bị cáo T, T3 và người đại diện hợp pháp của các bị cáo thống nhất với bài bào chữa của ông H, không trình bày bổ sung gì thêm.

Tại bản luận cứ Trợ giúp viên pháp lý ông Lê Viết T6 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D và Chau C2 trình bày:

Về hình phạt :

Căn cứ điểm d, điểm e khoản 2 Điều 168, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự, Điều 12, Điều 115, khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức án dưới mức thấp nhất đề nghị của Viện kiểm sát

Bị cáo D, C2 và người đại diện hợp pháp của các bị cáo thống nhất với bài bào chữa của ông T6, không trình bày bổ sung gì thêm.

Ông Hoàng Văn T7 – người làm công tác xã hội tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh – đối với bị hại bà Ngô Thị Ánh T5 trình bày :

Bị hại Ngô Thị Ánh T5 là người chưa thành niên thuộc đối tượng được Nhà nước đặc biệt quan tâm. Bị hại cũng đã nhận được bồi thường về trách nhiệm dân sự, có đơn bãi nại cho các bị cáo nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của em Ngô Thị Ánh T5 là bà Hồ Thị H1 trợ giúp viên pháp lý trình bày :

Thống nhất với bản luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến gì về tội danh và hình phạt, thống nhất với mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, về trách nhiệm dân sự bị hại và gia đình bị hại đã nhận được tiền bồi thường từ các bị cáo và có đơn xin bãi nại cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, Huỳnh Hoàn T3 và Chau C2 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố và không có ý kiến gì về luận tội của Kiểm sát viên và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm quay về về với gia đình và làm lại cuộc đời

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả điều tra bổ sung. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Văn T, Huỳnh Hoàn T3, Nguyễn Văn D và Chau C2 có quan hệ bạn bè. Vào ngày 01/11/2025, T cùng T3, D và C2 đã bàn bạc, thống nhất đi thực hiện 02 vụ cướp tài sản như sau:

1. Khoảng 22 giờ ngày 01/11/2025, tại khu phố K, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn T, Huỳnh Hoàn T3, Nguyễn Văn D và Chau C2 đã có hành vi sử dụng chiếc ná bắn đạn bi sắt đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc và chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 14 Plus trị giá 11.166.000 đồng của anh Nguyễn Trần Quang T4.

2. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 01/11/2025, tại khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn T, Huỳnh Hoàn T3, Nguyễn Văn D và Chau C2 đã có hành vi sử dụng chiếc ná bắn đạn bi sắt đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc và chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 Plus trị giá 1.500.000 đồng của cháu Ngô Thị Ánh T5 khi cháu T5 ở độ tuổi 15 tuổi 08 tháng 18 ngày.

Bản cáo trạng số 148/CT-VKSKV12 ngày 20/3/2026, Viện kiểm sát nhân khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Huỳnh Hoàn T3, Nguyễn Văn D và Chau C2 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo:*

[3.1] Về tình tiết tăng nặng:

Các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội hai lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo phạm tội khi còn ở độ tuổi chưa thành niên; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo đã thay các bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại, các bị hại và đại diện của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo T3 là người dân tộc Khmer nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.2] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt

[4] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội*

Căn cứ vào mức độ phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đã phân tích ở trên nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và sức khỏe của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều là những người chưa thành niên nhưng có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ năng lực hành vi hình sự. Các bị cáo nhận thức được việc rủ rê cùng nhau dùng hung khí để uy hiếp đe doạ chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo phạm tội nhiều lần, mỗi lần đều rất nghiêm trọng. Do đó, đối với các bị cáo cần phải xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Trong vụ án này, mặc dù các bị cáo có bàn bạc với nhau để thực hiện hành vi cướp tài sản nhưng không bàn bạc cụ thể với nhau về việc phân công nhiệm vụ cho ai là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, ai là người cảnh giới cũng như không bàn bạc về việc phân chia tài sản sau khi cướp được. Do đó hành vi của các bị cáo thực hiện không có tính tổ chức

mà chỉ là đồng phạm giản đơn nhưng để có cơ sở khi quyết định hình phạt cần xem xét đến vai trò và mức độ phạm tội của các bị cáo như sau:

Đối với bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê D, C2, T3 tham gia hành vi cướp tài sản nên tính chất mức độ nguy hiểm của bị cáo là nguy hiểm nhất do vậy cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn so với các bị cáo còn lại mới đủ sức răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với bị cáo D và C2 là người tham gia tích cực, bị cáo D là người trực tiếp dùng nã bắn bi làm hung khí đe doạ bị hại để bị hại hoảng sợ mà giao tài sản cho bị cáo và bị cáo cũng là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Bị cáo C2 là người trực tiếp điều khiển xe chở bị cáo D áp sát chặn đầu xe bị hại để D thực hiện hành vi chiếm đoạt. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với hai bị cáo này nhưng thấp hơn bị cáo T và cao hơn bị cáo T3.

Đối với bị cáo T3 tham gia với vai trò đi cùng và cảnh giới, bị cáo T3 là người nhỏ tuổi nhất trong 4 bị cáo, tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 16 tuổi, nhận thức còn hạn chế hơn so với các bị cáo còn lại. Do đó cần có mức hình phạt nhẹ nhất đối với bị cáo T3.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện gia đình của các bị cáo đã bồi thường cho anh Nguyễn Trần Quang T4 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Plus trị giá 14.400.000 đồng, bồi thường cho cháu Ngô Thị Ánh T5 số tiền 3.000.000 đồng. Các bị hại và đại diện theo pháp luật của bị hại đã nhận bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về xử lý vật chứng*:

Đối với hung khí là ná bắn đạn bi sắt mà Nguyễn Văn T, Huỳnh Hoàn T3, Nguyễn Văn D và Chau C2 sử dụng để đi cướp tài sản, do trên đường đi D đã vứt bỏ và không nhớ vị trí nên không thu giữ được.

Đối với một điện thoại động nhãn hiệu Iphone 14 Plus Blue 128Gb đã qua sử dụng và bị hư hỏng của anh Nguyễn Trần Quang T4 và một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus 64GB của cháu Ngô Thị Ánh T5, Cơ quan cảnh sát điều tra đã được trả cho anh T4 và cháu T5 theo biên bản về việc trả lại tài sản đồ vật, tài liệu ngày 14/02/2026 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, không biển số, loại Surius, màu đen trắng thu giữ của Chau C2. Qua xác minh chủ sở hữu là Lê Văn T9, sinh năm 1992, T9 khai đã bán chiếc xe này vào năm 2021 nhưng không biết bán cho ai. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu phương tiện liên quan đến vụ án nhưng chưa có kết quả. Do đó, cần giao lại chiếc xe trên cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H để tiếp tục điều tra, xác minh chủ sở hữu hợp pháp, khi nào có kết quả sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave S, biển kiểm soát 89AA-06836 màu trắng bạc thu giữ của Nguyễn Văn T. Qua xác minh chủ sở hữu là Nguyễn Ngọc V, sinh năm 2003, V khai đã bán chiếc xe này vào năm 2022 nhưng không biết bán cho ai. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu phương tiện liên quan đến vụ án nhưng chưa có kết quả. Do đó, cần giao lại chiếc xe trên cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H để tiếp tục điều tra, xác minh chủ sở hữu hợp pháp, khi nào có kết quả sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D, C, Huỳnh Hoàn T3** phạm tội "Cướp tài sản"

Căn cứ điểm d, điểm e khoản 2 Điều 168, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, Điều 12, Điều 115, khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên phạm tội

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 5 (năm) năm tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2025

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D, Chau C3 4 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2025

Căn cứ điểm d, điểm e khoản 2 Điều 168, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, Điều 12, Điều 115, khoản 3 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên phạm tội

Xử phạt bị cáo Huỳnh Hoàn T3 3 (ba) năm tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/11/2025

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Giao 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, không biển số, loại Surius, màu đen trắng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, biển kiểm soát 89AA-06836 màu trắng bạc cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H để tiếp tục điều tra, xác minh chủ sở hữu hợp pháp, khi nào có kết quả sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

(vật chứng nêu trên Thi hành án dân sự Thành phố H đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản số 146/BB-THADS (12) ngày 17/4/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Khu vực 12 - TPHCM;
- THADS TP.HCM;
- Cơ quan CSĐT CA TP. HCM;
- PC 06 - Công an TP.HCM;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bào chữa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Lưu hs.